

Bản án số: 300/2024/HN-ST  
Ngày: 29/11/2024  
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* bà Nguyễn Thanh Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* bà Nguyễn Thị Ly, bà Trần Thị Kim Thoa

**- Thư ký phiên tòa:** ông Quách Thuận An, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** ông Lê Trần Long, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 684/2024/TLST-HN ngày 23 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 929/2024/QĐXXST-HN ngày 08 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị L, sinh năm 1978, cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: tổ A, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1976, cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 05/9/2024, nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

Bà và ông Trần Văn Đ quen biết nhau, sau đó tiến tới hôn nhân, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 25/01/2016. Trong thời gian chung sống với nhau có hạnh phúc và sinh được 01 người con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021. Sau khi sinh cháu Đức A được hơn 01 tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bà kêu ông Đ đi làm thì ông Đ không đồng ý và đuổi bà ra khỏi nhà, khi đó bà lên Bình Dương đi làm được 6 đến 7 tháng thì ông Đ lên Bình

Dương nhưng thuê phòng trọ khác chứ không chung sống với bà, bà và ông Đ mỗi người thuê phòng trọ riêng, ông Đ đi qua phòng trọ của bà để thăm con. Sau đó ông Đ cũng có năn nỉ bà về Chợ M buôn bán và sống chung lại nhưng bà không đồng ý nên vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Vào ngày mùng 4 tết âm lịch năm 2024 ông Đ có kêu bà về ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang (nơi chôn cất mẹ ruột của ông Đ) để bán đất vì vợ chồng có nền nhà ngang 6m, dài 31m tại xã H, huyện C, tỉnh An Giang nên bà mới về để ký tên bán đất nhưng ông Đ lại đánh bà dẫn đến bà phải nhập viện hơn 20 ngày và ông Đ bị Công an tạm giam do việc đánh bà gây thương tích. Đến ngày 21/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xử ông Đ về hành vi đánh bà gây thương tích, với thời hạn chấp hành án là 5 năm 6 tháng. Từ đầu năm 2024 cho đến nay ông Đ đang bị tạm giam tại Trại Tạm giam - Công an tỉnh A. Do ông Đ đánh bà gây thương tích, vợ chồng ly thân từ tháng 01 năm 2022 cho đến nay nên bà yêu cầu ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021. Khi ly hôn, bà L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 30/10/2024, ông Trần Văn Đ trình bày:

Ông và bà Trần Thị L quen biết nhau sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 25/01/2016 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022 - 2023, bà L ngoại tình. Khi đó ông cũng đi làm ở Bình Dương, hai vợ chồng ở hai phòng trọ khác nhau, khi đến phòng trọ của bà L để thăm con thì ở phòng trọ có 04 người đàn ông. Bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, do hiện nay ông đang chấp hành án mà bà L yêu cầu ly hôn thì ông không tham dự được mà vụ việc này khi nào ông về thì ông làm đơn ly hôn với bà L. Bà L là người đã ngoại tình, ông đã cố gắng hàn gắn nhưng bà L vẫn không hàn gắn để lo cho con.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021, hiện nay con chung đang sống với bà L, ông đồng ý để bà L nuôi dưỡng trong thời gian ông chấp hành án. Nếu sau này ông hết thời gian chấp hành án thì ông sẽ bắt con về để nuôi.

Về tài sản chung: sau này ông sẽ yêu cầu sau khi ông chấp hành án xong.

Về nợ chung: vợ chồng ông không có nợ chung. Trước đây vào năm 2019 bà L có nợ bà L1 số tiền 232.000.000 đồng, số tiền này ông đã trả xong hết nợ.

Hiện nay ông đang chấp hành án nên yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho ông vắng mặt trong các buổi ghi lời khai, các phiên họp công khai chứng,

hòa giải và ông yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Trần Văn Đ có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ là phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L đối với ông Đ. Về quan hệ con chung, bà L được tiếp tục chăm sóc con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị L có đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn Đ, ông Đ cư trú ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

Ông Trần Văn Đ có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà L và ông Đ tự tìm hiểu nhau sau đó tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang vào năm 2016 nên quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông Đ là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Bà L, ông Đ cùng xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân. Xét thấy, xuất phát từ mâu thuẫn trong thời gian chung sống nên bà L và ông Đ đã ly thân từ tháng 01 năm 2022, đến ngày 21/8/2024 Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới đã xét xử ông Đ về hành vi đánh bà L gây thương tích và ông Đ đang chấp hành án tại Trại tạm giam - Công an tỉnh A. Từ đó cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm

trọng nên bà L yêu cầu ly hôn với ông Đ là có căn cứ theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[2.2] Về quan hệ con chung: có 01 con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021, hiện đang sống với bà L. Xét thấy, con chung đang được bà L chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp con chung phát triển tốt về thể chất, tinh thần và ông Đ cũng đồng ý để cháu Trần Đức A cho bà L nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử giao cháu Trần Đức A cho bà L tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị L được ly hôn với ông Trần Văn Đ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 07 ngày 25/01/2016 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện C, tỉnh An Giang cấp cho bà Trần Thị L và ông Trần Văn Đ không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Bà Trần Thị L được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Trần Đức A, sinh ngày 12/12/2021. Ông Trần Văn Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.



Bà Trần Thị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023503 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 23 tháng 10 năm 2024.

Ông Trần Văn Đ không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của các đương sự vắng mặt được tính là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thanh Tuyên**